

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-PT

Ngày: 18-3-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLPT- KDTM ngày 10/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM- ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐ- PT ngày 01 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu O.

Địa chỉ trụ sở: đường Đ, phường CG, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị N, nhân viên Phòng kinh doanh Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu O (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2018). Bà N có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần A

Địa chỉ trụ sở: đường H, phường HK, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Minh T, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần A (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2019). Bà T có mặt.

3. *Cơ quan kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 01/3/2018, Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu O (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH O) và Công ty Cổ phần A (sau đây gọi tắt là Công ty A) ký Hợp đồng nguyên tắc số HD: 0122/2018/HĐNT về việc mua bán xi măng, thép xây dựng, gạch ống xây dựng... Thực hiện hợp đồng Công ty TNHH O đã cung cấp hàng cho Công ty A, hai bên ký biên bản đối chiếu và xác nhận bên mua còn nợ bên bán hàng 1.485.801.048 đồng. Ngày 07/7/2018 Công ty A trả 200.000.000 đồng, còn lại 1.285.801.048 đồng chưa thanh toán.

Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2018 Công ty TNHH O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty A trả số tiền 1.413.018.070 đồng, trong đó tiền mua vật liệu xây dựng 1.285.801.048 đồng; lãi chậm thanh toán đến ngày 31/7/2018 là 24.352.938 đồng; tiền phạt vi phạm Hợp đồng (8% giá trị tiền hàng chưa thanh toán) là 102.864.084 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 22/8/2018 Công ty A trả thêm 300.000.000 đồng, ngày 06/9/2018 trả 500.000.000 đồng, số nợ còn lại là 485.801.048 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng còn nợ 485.801.048 đồng; lãi chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng đã ký đến ngày 30/11/2018 là 48.982.075 đồng; phạt vi phạm hợp đồng mức phạt 8% giá trị tiền hàng chưa thanh toán là 38.864.084 đồng. Tổng cộng yêu cầu thanh toán là 573.647.207 đồng.

Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần A không có mặt tại Tòa án cấp sơ thẩm, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 40 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các điều 297, 300, 301, 306 Luật Thương mại; các điều 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" của Công ty TNHH O đối với Công ty Cổ phần A.

- Buộc Công ty Cổ phần A phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu O số tiền còn nợ là 573.647.207 đồng (*trong đó: nợ gốc là 485.801.048 đồng; nợ lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 30/11/2018 là 48.982.075 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng (8% giá trị tiền hàng chưa thanh toán) trên tổng số tiền nợ gốc còn lại là 38.864.084 đồng*) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc số 0122/2018/HĐNT ngày 01/3/2018 tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Công ty Cổ phần A phải chịu 26.945.888 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-KNPT-KDTM đối với bản án trên với nội dung sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu chứng cứ để xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo quy định khi xác định yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn.

- Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận phạt vi phạm hợp đồng không đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Công ty Cổ phần A thanh toán cho Công ty TNHH O số tiền nợ 534.783.123 đồng (*trong đó: nợ gốc là 485.801.048 đồng; nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/11/2018 là 48.982.075 đồng*) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc số 0122/2018/HĐNT ngày 01/3/2018 tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Thời gian thanh toán chậm nhất đến ngày 30 tháng 4 năm 2019.

- Công ty TNHH O rút yêu cầu đối với tiền phạt vi phạm hợp đồng (8% giá trị tiền hàng chưa thanh toán) trên tổng số tiền nợ gốc còn lại là 38.864.084 đồng.

- Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện

đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Do nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mức lãi suất quá hạn trên nợ gốc do chậm thanh toán Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận theo thuận của đương sự với mức 0,03%/ ngày (10,95%/năm) theo Hợp đồng nguyên tắc số 0122/2018/HĐNT ngày 01/3/2018, với số tiền 48.982.075 đồng. Xét thấy mức lãi suất này thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường mà Tòa án cấp phúc thẩm thu thập trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường của 3 Ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm 30/11/2018 (14%/ năm). Như vậy, do đương sự có sự thỏa thuận về lãi chậm trả phù hợp với quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận theo Điều 306 Luật Thương mại mà không áp dụng lãi suất trung bình trên thị trường theo Án lệ 09/2016/AL ngày của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng 8% tiền hàng chưa thanh toán (38.864.084 đồng), đây là số tiền mà Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố nhận định là không có căn cứ, đề nghị sửa án sơ thẩm. Do đương sự rút yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

[3] Xét thấy các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, áp dụng vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 12/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Công ty Cổ phần A thanh toán cho Công ty TNHH O số tiền nợ 534.783.123 đồng (*trong đó: nợ gốc là 485.801.048 đồng; nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/11/2018 là 48.982.075 đồng*) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc số 0122/2018/HĐNT tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Thời gian thanh toán chậm nhất đến ngày 30 tháng 4 năm 2019.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Công ty Cổ phần A phải chịu là: 25.391.324 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Công ty Cổ phần A thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu O số tiền còn nợ là 534.783.123 đồng (*trong đó: nợ gốc là 485.801.048 đồng; nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/11/2018 là 48.982.075 đồng*) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc số: 0122/2018/HĐNT ngày 01/3/2018 trên nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 30 tháng 4 năm 2019.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần A phải chịu là: 25.391.324 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu O được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.195.000 đồng theo biên lai thu số 0004092 ngày 17/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Đình Quảng